



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 89:2025/BNNMT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ AN TOÀN ĐỐI VỚI MÁY CẮT CỎ CẦM TAY
DÙNG TRONG NÔNG LÂM NGHIỆP**

***National technical regulation on safety for agricultural and forestry
portable hand-held grass trimmers***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

HÀ NỘI – 2025

Lời nói đầu

QCVN 89:2025/BNNMT do Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn phối hợp với Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch biên soạn; Vụ Khoa học và Công nghệ (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) trình duyệt; Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định.

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày.....tháng năm 2025

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN
ĐỐI VỚI MÁY CẮT CỎ CẦM TAY DÙNG TRONG NÔNG LÂM NGHIỆP
*National technical regulation on safety for agricultural and
 forestry portable hand-held grass trimmers*

1 QUY ĐỊNH CHUNG

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này quy định các yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đảm bảo an toàn đối với máy cắt cỏ cầm tay sử dụng động cơ đốt trong dùng trong nông lâm nghiệp (Mã HS 84331100).

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, phân phối và kinh doanh các loại máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức đánh giá sự phù hợp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.3 Giải thích từ ngữ

1.3.1 Lô hàng

Bao gồm các máy cắt cỏ cầm tay chưa qua sử dụng được xác định về số lượng, có cùng kiểu loại, cùng nội dung ghi nhãn, do một tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu tại cùng một địa điểm được phân phối, tiêu thụ trên thị trường.

1.3.2 Máy cắt cỏ cầm tay

Máy cắt cỏ do người cầm trên tay để điều khiển, máy có lắp bộ phận cắt quay (dao cắt hoặc đĩa cắt hoặc dây mềm) để cắt cỏ, bụi cây, cây nhỏ.

1.4 Tài liệu viện dẫn

Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp.

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

TCVN 7020:2002 (ISO 11684:1995), Máy kéo và máy dùng trong nông lâm nghiệp, thiết bị làm vườn và làm cỏ có động cơ – Ký hiệu và hình vẽ mô tả nguy hiểm – Nguyên tắc chung.

TCVN 8746:2011 (ISO 11806:1997), Máy nông lâm nghiệp - Máy cắt bụi cây và xén cỏ cầm tay dẫn động bằng động cơ đốt trong - An toàn.

TCVN 8747:2011 (ISO 8380:1993), Máy lâm nghiệp - Máy cắt bụi cây và xén cỏ cầm tay - Độ bền bộ phận che chắn công cụ cắt.

TCVN 10877:2015 (ISO 7918:1995), Máy lâm nghiệp - Máy cắt bụi cây và máy cắt cỏ cầm tay Kích thước của tấm chắn bảo vệ bộ phận cắt.

TCVN 12825:2019 (ISO 22868:2011), Máy lâm nghiệp và làm vườn - Thử ồn đối với máy cầm tay sử dụng động cơ đốt trong - Phương pháp kỹ thuật.

TCVN 12826:2019 (ISO 22867:2011), Máy lâm nghiệp và làm vườn - Thử rung động tay với máy cầm tay sử dụng động cơ đốt trong - Rung tại tay cầm.

1.5 Điều kiện thử và đánh giá kết quả

Thiết bị đo kiểm tra, thử nghiệm được kiểm định định kỳ, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về đo lường.

Phép thử coi là đạt yêu cầu khi tất cả các kết quả thử đều đạt, khi tiến hành thử trên mẫu máy cắt cỏ cầm tay của lô hàng hóa.

2 QUY ĐỊNH VỀ KỸ THUẬT

2.1 Yêu cầu chung

2.1.1 Máy yêu cầu có đủ các bộ phận, cơ cấu, chi tiết hoạt động theo chức năng; không phát hiện sự bất thường khi vận hành máy ở chế độ thử theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

2.1.2 Các bộ phận, chi tiết máy không nứt, vỡ, thủng, rách hoặc bị biến dạng.

2.1.3 Máy phải có các tài liệu hướng dẫn bằng tiếng Việt kèm theo.

2.2 Rung động

Giá trị gia tốc rung động cục bộ đo được tại mỗi tay cầm không lớn hơn 85 m/s^2 . Phương pháp thử ở chế độ tăng tốc theo TCVN 12826:2019 (ISO 22867:2011). Nếu không xác định được tốc độ định mức của động cơ thì thử ở chế độ ga cực đại.

2.3 Mức ồn

Mức ồn được xác định bằng mức áp suất âm phát ra không lớn hơn 115 dB (A). Phải trang bị thiết bị bảo vệ tai người điều khiển nếu mức ồn lớn hơn 95 dB (A). Phương pháp thử ở chế độ tăng tốc theo TCVN 12825:2019 (ISO 22868:2011). Nếu không xác định được tốc độ định mức của động cơ thì thử ở chế độ ga cực đại.

2.4 Ly hợp

Máy yêu cầu có ly hợp để đảm bảo không truyền công suất đến bộ phận cắt khi động cơ quay với tốc độ nhỏ hơn hoặc bằng 1,25 lần tốc độ chạy không tải thấp nhất của động cơ (tốc độ khi chưa tác động vào cơ cấu điều khiển van tiết lưu để điều chỉnh tốc độ động cơ).

2.5 Cơ cấu dừng động cơ

Máy yêu cầu có cơ cấu dừng động cơ hoàn toàn mà không cần duy trì tác động điều khiển.

2.6 Che chắn bộ phận cắt

2.6.1 Kích thước che chắn bộ phận cắt đáp ứng theo TCVN 10877:2015.

2.6.2 Độ bền che chắn bộ phận cắt đáp ứng theo TCVN 8747:2011.

2.7 Bảo vệ tránh tiếp xúc với bộ phận nóng

Bảo vệ tránh tiếp xúc với bộ phận nóng của máy cắt cỏ cầm tay đáp ứng theo quy định tại TCVN 8746:2011.

2.8 Ký hiệu an toàn

Ký hiệu an toàn phù hợp với TCVN 7020:2002, được gắn thích hợp trên máy cắt cỏ cầm tay để cảnh báo cho người sử dụng và những người xung quanh về các nguy cơ tiếp xúc với bộ phận nóng, va đập và văng bắn gây chấn thương cơ thể trong quá trình vận hành, chăm sóc và bảo dưỡng máy.

3 QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1 Quy định về phương thức đánh giá sự phù hợp

Máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp chưa qua sử dụng, được sản xuất lắp ráp trong nước phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Máy cắt cỏ cầm tay dùng trong nông lâm nghiệp chưa qua sử dụng, nhập khẩu phải chứng nhận hợp quy theo phương thức 7 quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.2 Quy định về công bố hợp quy

3.2.1 Việc công bố hợp quy được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy.

3.2.2 Việc chứng nhận hợp quy do tổ chức chứng nhận được chỉ định hoặc tổ chức chứng nhận tại nước ngoài được thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp thực hiện.

3.2.3 Việc thử nghiệm phục vụ chứng nhận hợp quy do các tổ chức thử nghiệm được chỉ định hoặc tổ chức thử nghiệm tại nước ngoài được thừa nhận lẫn nhau về kết quả đánh giá sự phù hợp thực hiện.

3.2.4 Trình tự, thủ tục công bố hợp quy, sử dụng dấu hợp quy theo quy định tại Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3 Phương pháp thử, kiểm tra

- Phương pháp thử rung động theo TCVN 12826:2019 (ISO 22867:2011).
- Phương pháp thử mức ồn theo TCVN 12825:2019 (ISO 22868:2011).
- Kiểm tra kích thước che chắn bộ phận cắt theo TCVN 10877:2015.
- Phương pháp thử độ bền che chắn bộ phận cắt theo TCVN 8747:2011.
- Phương pháp thử bảo vệ tránh tiếp xúc với bộ phận nóng theo TCVN 8746:2011.
- Các ký hiệu an toàn, kiểm tra theo TCVN 7020:2002.

3.4 Lấy mẫu

Mẫu kiểm tra được lấy ngẫu nhiên trong lô, số lượng mẫu phụ thuộc vào số lượng máy trong một lô hàng và được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1 – Số lượng mẫu kiểm tra

TT	Số lượng máy trong lô hàng (chiếc)	Số lượng mẫu kiểm tra (chiếc)
1	Từ 1 đến 100	01
2	Từ 101 đến 500	02
3	Từ 501 trở lên	03

3.5 Quy định về ghi nhãn

Nội dung và cách ghi nhãn đối với máy cắt cỏ cầm tay theo Điều 10 của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 hoặc Điều 10 của Nghị định 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 và Phụ lục I của Nghị định 111/2021/NĐ-CP.

Trên mỗi máy phải được gắn nhãn rõ ràng bằng tiếng Việt và không thể tẩy xóa được, với những thông tin tối thiểu sau đây:

- Tên máy;
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về máy;
- Xuất xứ máy;
- Ký hiệu máy hoặc kiểu loại;
- Kích thước (DxRxC), mm;
- Khối lượng máy, kg;
- Công suất động cơ, kW (hoặc Hp);
- Số hiệu sản xuất, nếu có;
- Năm sản xuất.

4 TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

4.1 Tổ chức, cá nhân sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, phân phối và kinh doanh máy cắt cỏ cầm tay yêu cầu bảo đảm quy định kỹ thuật tại mục 2, thực hiện quy định về quản lý tại mục 3 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này. Trước khi đưa máy cắt cỏ cầm tay ra lưu thông trên thị trường, tổ chức, cá nhân phải có trách nhiệm gắn dấu hợp quy lên máy cắt cỏ cầm tay đã được chứng nhận hợp quy theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này.

4.2 Các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ.

5 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1 Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

5.2 Trường hợp các văn bản viện dẫn trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung./.